

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Hôn nhân & Gia đình

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H N

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Lập

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H N tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H N mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc thuận tình ly hôn theo Quyết định mở phiên họp số: 226/2020/QĐPH-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

* **Anh A N**, sinh ngày 16/3/1977. Địa chỉ: Sal Str.4,39106 Magdeburg, BRD, deutsch (Sal Str.4,39106 Magdeburg – CHLB Đức). CMND/Hộ chiếu số: L6JKN5N9.

* **Chị Đỗ H T**, sinh ngày 15/11/1983. Địa chỉ: Số 144 đường G P, phường P L, quận T X, thành phố H N.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn xin ly hôn, Anh A N trình bày: Tôi và cô Đỗ H T đăng ký kết hôn ngày 06/7/2006 tại Ủy ban nhân dân thành phố H N.

Chúng tôi đã không sống cùng nhau từ năm 2007 do sự khác biệt về ngôn ngữ và lối sống. Tôi sống ở Đức. Cô H T sống ở Việt Nam.

Tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H N giải quyết ly hôn giữa tôi và cô T.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Ngoài việc ly hôn tôi không có yêu cầu nào khác.

Theo đơn xin ly hôn chị Đỗ H T trình bày: Tôi và anh A N kết hôn do tìm hiểu tự nguyện, đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố

H N ngày 06/7/2006.

Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chúng tôi bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa, quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay, mỗi người một nơi, tôi sống tại Việt Nam, anh A N sống tại Cộng hòa Liên bang Đức. Đến nay, tôi nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể tồn tại nên vợ chồng nhất trí ly hôn để có điều kiện tạo dựng cuộc sống mới.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên họp:

Anh A N có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Anh A N có văn bản ủy quyền cho chị Đỗ H T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay anh.

Chị Đỗ H T giữ nguyên ý kiến và quan điểm đã trình bày, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án thành phố H N công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị và anh A N. Tự nguyện nộp tiền lệ phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H N phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Hôn nhân của anh A N và chị Đỗ H T là hợp pháp. Đến nay mâu thuẫn của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quan tâm chia sẻ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Về con chung: không có nên không xét; Về tài sản chung: đương sự xác định không có và cũng không có yêu cầu về tài sản nên không xét; Về lệ phí: ghi nhận chị Đỗ H T nộp lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra, xem xét tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố H N nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh A N và chị Đỗ H T kết hôn do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2006 tại Ủy ban nhân dân thành phố H N nên là hôn nhân hợp pháp, việc anh A N và chị Nam yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án thụ lý giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình, anh A N đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức nên Tòa án nhân dân thành phố H N thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của anh A N tại phiên họp: Anh A N vắng mặt nhưng đã có ý kiến tại đơn xin ly hôn, đơn xin giải quyết vắng mặt, đồng thời đã ủy quyền cho chị Trang nhận văn bản tố tụng. Tại phiên họp, chị H T - là người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của anh A N. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình vắng mặt anh A N theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về Hôn nhân: Xét quá trình chung sống, anh A N và chị Đỗ H T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa, quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay, mỗi người một nơi, chị Trang sống tại Việt Nam, anh A N sống tại Cộng hòa Liên bang Đức. Xét thấy hôn nhân của anh A N và chị Trang đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu thuận tình ly hôn của anh A N và chị Trang là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về con chung: không có nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí việc Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ H T tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0020463 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H N.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ :

- khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 371, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định:

- Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh A N và chị Đỗ H T.

- Về con chung: không có nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí việc việc Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm: Chị Đỗ H T tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng đã

nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0020463 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H N

- Về việc thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H N;
- Cục THADS TPH N;
- UBND TP H N;
- Lưu Vp, HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Đức Lập

THẨM PHÁN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 22 tháng 06 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố H N

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Lập**

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tùng Mậu - Ông Bùi Xuân Đăng

Tiến hành nghị án vụ án Dân sự thụ lý số 60/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Đòi quyền sử dụng đất*” giữa:

Nguyên đơn: ông Trương Văn Cần sinh năm 1954

Trú tại: Số 2 ngách 123/43 - Đội 6, thôn Yên Xá, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố H N. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn: ông Vũ Văn Hùng sinh năm 1949

Trú tại: Số 10 ngách 87/46/9/9 xóm Đức Thượng, thôn Yên Xá, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố H N. *Có mặt tại phiên tòa.*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. bà Đỗ Thị Đàm sinh năm 1956

Trú tại: Số 2 ngách 123/43 - Đội 6, thôn Yên Xá, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố H N. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. chị Vũ Thanh Thủy sinh năm 1975

3. chị Vũ Thanh Hà sinh năm 1977

4. chị Vũ Thị Vân sinh năm 1981

5. anh Vũ Hùng Cường sinh năm 1986

6. anh Thái Viết Long sinh năm 1978 (chồng chị Vân)

7. cháu Ngô Khánh Huyền sinh năm 1996 (con chị Thủy)

8. Cháu Vũ Ngọc Linh sinh năm 2008 (con chị Hà)

(*chị Hà là người giám hộ theo pháp luật cho cháu Vũ Ngọc Linh*).

Cùng trú tại: Đội 6, thôn Yên Xá, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, H N.

Chị Thủy, chị Hà, chị Vân, anh Cường, anh Long, cháu Huyền ... mặt tại phiên tòa. Chị Hà

8. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Cường - Chức vụ : Chủ tịch UBND huyện Thanh Trì.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Cường - Chức vụ: chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

I. Về sự vắng mặt của đương sự và việc đưa người tham gia tố tụng:

Căn cứ: khoản 4 Điều 68, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Xét việc vắng mặt của ông Vũ Văn Hùng lần thứ hai. Mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì tổng đạt hợp lệ, HĐXX thấy ông Hùng đã có lời khai nên HĐXX xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Xét việc vắng mặt của chị Vũ Thanh Hà; chị Vũ Thị Vân; anh Vũ Hùng Cường; anh Thái Viết Long, cháu Ngô Khánh Huyền, cháu Vũ Ngọc Linh-do chị Vũ Thanh Hà đại diện, đại diện UBND huyện Thanh Trì tại phiên tòa. HĐXX thấy chị Hà, chị Vân, anh Cường, anh Long, cháu Huyền đã có lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy lời khai của chị Hà, chị Vân, anh Cường, anh Long, cháu Huyền và đại diện UBND huyện Thanh Trì là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

II. Về Thẩm Quyền:

Căn cứ: Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 188 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Do các bên tranh chấp Bất động sản tại số 5 Ngách 87/46/9/9 xóm Đức Thượng, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố H N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Thanh Trì

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

III. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ: khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan hệ tranh chấp là “tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và quyền khác đối với tài sản”.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

IV. Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và điều 155 Bộ luật dân sự.

Hội đồng xét xử xác định vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

V. Về giải quyết vụ án:

- Điều 117, khoản 3 Điều 155, Điều 166, Điều 221 của Bộ luật dân sự; Điều 24, Điều 95, Điều 97 Luật đất đai;

Xử: Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Cần đối với ông Vũ Văn Hùng và các con (*chị Vũ Thanh Thủy; chị Vũ Thanh Hà; chị Vũ Thị Vân;*

anh Vũ Hùng Cường; anh Thái Viết Long, cháu Ngô Khánh Huyền, cháu Vũ Ngọc Linh-do chị Vũ Thanh Hà đại diện).

Buộc ông Vũ Văn Hùng và các con (*chị Vũ Thanh Thủy; chị Vũ Thanh Hà; chị Vũ Thị Vân; anh Vũ Hùng Cường; anh Thái Viết Long, cháu Ngô Khánh Huyền, cháu Vũ Ngọc Linh-do chị Vũ Thanh Hà đại diện*) phải trả lại ông Trương Văn Cần diện tích đất 43m² tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 03, diện tích 172m² số 5 Ngách 87/46/9/9 xóm Đức Thượng, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố H N có cạnh cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp phần đất ông Trương Văn Thắng có chiều dài: 6,53m
- Phía Nam giáp phần đất của ông Hùng và các con do chị Vũ Thanh Vân quản lý có chiều dài: 6,53m
- Phía Đông giáp với ngõ đi có chiều dài : 6,58m
- Phía Tây giáp phần đất của ông Hùng và các con do chị Vũ Thanh Hà quản lý có chiều dài: 6,58m

(được xác định theo các điểm a,b,c,d của sơ đồ kèm theo).

Ông Trương Văn Cần được sở hữu phần nhà trọ tương 110, mái tôn có giá trị là 12.089.000 đồng (*Mười hai triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các đương sự được quyền chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký và xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu tài sản theo quyết định của bản án và theo pháp luật.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

IV. Về án phí:

Căn cứ Điều 155 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Hoàn trả ông Trương Văn Cần số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2016/8396 ngày 06/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

- Bà Đỗ Thị Đàm phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, xác nhận bà Đàm đã nộp đủ tại. biên lai số AA/2016/8603 ngày 14/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

- Miễn án phí cho ông Vũ Văn Hùng

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

V. Về Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

ông Trương Văn Cần có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Vũ Văn Hùng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Đàm có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án./.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị Vũ Thanh Thủy; chị Vũ Thanh Hà; chị Vũ Thị Vân; anh Vũ Hùng Cường; anh Thái Viết Long, cháu Ngô Khánh Huyền, cháu Vũ Ngọc Linh (do chị Vũ Thanh Hà đại diện)), UBND huyện Thanh Trì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

IV. Về việc thi hành án:

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án

- Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 26 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100%

Nghị án kết thúc hồi..... ngày 22 tháng 2 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ